

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN**

---

**QUI CHẾ TÀI CHÍNH**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN**

**Tháng 7 năm 2014**



**QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN**

- Căn cứ quyết định số 86/2000/QĐ-TTg ngày 18/07/2000 của Thủ tướng chính phủ về việc ban hành qui chế trường Đại học Dân lập;
- Căn cứ Quyết định số 57/2004/QĐ-TTg, ngày 06/4/2004 và Quyết định số 52/2005/QĐ-TTg ngày 16/03/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập và đổi tên Trường Đại học DL Kỹ nghệ TP. Hồ Chí Minh thành Trường Đại học Dân lập Công nghệ Sài Gòn;
- Căn cứ Quyết định số 4197/QĐ-BGDĐT, ngày 24/09/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc công nhận Hội đồng Quản trị Trường Đại học Dân lập Công nghệ Sài Gòn;
- Căn cứ quyết định số 2036/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 26/4/2004 và Quyết định số 4197/QĐ-BGDĐT, ngày 24/09/2013 của Bộ giáo dục và Đào tạo về việc công nhận Chủ tịch HĐQT trường Đại học DL Công nghệ Sài Gòn;
- Căn cứ cuộc họp HĐQT ngày 25/06/2014 thông qua toàn văn quy chế tài chính Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn

**QUYẾT ĐỊNH**

- Điều 1:** Ban hành kèm theo Quyết định này **Quy chế tài chính Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn;**
- Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, những quy định trước đây trái với quy chế này bị bãi bỏ;
- Điều 3:** Thành viên Hội đồng Quản trị, Hiệu trưởng, các khoa, phòng, ban, trung tâm, các đơn vị thuộc trường và CB – GV – NV của Trường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3
- Lưu văn phòng HĐQT
- Lưu HCQT, KHTC

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH

TRƯỜNG  
ĐẠI HỌC  
CÔNG NGHỆ  
SÀI GÒN

TS. Trương Quang Mùi



## QUY CHẾ TÀI CHÍNH TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

*(Ban hành theo Quyết định số 143/QĐ -DSG - HĐQT ngày 01/7/2014  
của Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn)*

### CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Điều khoản chung

- 1.1 Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn (sau đây gọi tắt là Nhà trường) được thành lập, tổ chức và hoạt động theo Luật Giáo dục, các chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và công khai tài chính thực hiện theo qui định của pháp luật;
- 1.2 Nhà trường có tư cách pháp nhân đầy đủ, tự chủ về mặt tài chính ;
- 1.3 Nhà trường được mở tài khoản giao dịch bằng đồng Việt Nam và bằng ngoại tệ tại các Ngân hàng và Kho bạc Nhà nước ở Việt Nam;
- 1.4 HĐQT là tổ chức đại diện duy nhất quyền sở hữu Nhà trường có trách nhiệm và quyền tự quyết những vấn đề quan trọng về tổ chức, nhân sự, tài chính và tài sản của Trường
- 1.5 Nhà trường có đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc được Nhà trường giao tài sản để thực hiện các hoạt động liên kết đào tạo quốc tế và hoạt động khác trong giáo dục đào tạo, nghiên cứu khoa học có trách nhiệm quản lý tốt tài sản được giao;
- 1.6 Hiệu trưởng là người chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị (sau đây gọi tắt là HĐQT) và pháp luật về quản lý tài chính của Trường;
- 1.7 Nguyên tắc chung trong quản lý thu chi: Mọi hoạt động thu, chi của Nhà trường phải tuân thủ theo quy định của pháp luật, theo qui định tại qui chế hoạt động của Nhà trường
- 1.8 Các khoản thu, chi phát sinh bằng ngoại tệ phải tuân thủ quy định về quản lý ngoại tệ của nhà nước đồng thời phải quy đổi ra tiền VNĐ theo tỷ giá bán ra

trên thị trường liên ngân hàng để hạch toán.

- 1.9 Các khoản thu, chi phải đảm bảo đúng đối tượng, đúng chế độ quy định về phân cấp, quy trình, thủ tục, định mức, hoá đơn chứng từ, hồ sơ.

## **Điều 2. Mục đích**

- 2.1 Thực hiện thống nhất quản lý về tài chính, kế toán của Nhà trường đảm bảo tuân thủ các quy định của Nhà nước và hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền.
- 2.2 Sử dụng và quản lý có hiệu quả các nguồn lực tài chính đáp ứng yêu cầu hoạt động và đầu tư phát triển Nhà trường ;
- 2.3 Tăng cường công tác tự kiểm tra, giám sát nội bộ.

## **Điều 3. Các căn cứ pháp lý**

- 3.1 Luật Giáo dục 2005, 2009 và Luật giáo dục Đại học 2012;
- 3.2 Luật Kế toán do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2003;
- 3.3 Nghị định số 129/2004/NĐ-CP ngày 31/5/2004 của Chính phủ “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kế toán áp dụng trong hoạt động kinh doanh”;
- 3.4 Quyết định số 15/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành “Chế độ kế toán doanh nghiệp” và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- 3.5 Các Luật thuế hiện hành và các văn bản hướng dẫn;
- 3.6 Qui chế tổ chức và hoạt động của Trường đại học Công nghệ Sài Gòn
- 3.7 Quyết định 86/2000/QĐ-Ttg ngày 18/7/2000 về việc ban hành qui chế Trường dân lập
- 3.8 Thông tư số 140/2007/TT-BTC ngày 30/11/2007 về việc hướng dẫn kế toán áp dụng cho cơ sở ngoài công lập

## **Điều 4. Cơ quan quản lý**

- 4.1 Nhà trường chịu sự quản lý Nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- 4.2 Nhà trường chịu sự quản lý hành chính theo lãnh thổ của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- 4.3 Nhà trường chịu sự kiểm tra, thanh tra, giám sát của các cơ quan quản lý Nhà nước về hoạt động tài chính theo quy định của Pháp luật;



## **Điều 5. Nguyên tắc quản lý tài chính**

- 5.1 Nhà trường thực hiện theo các quy định về quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước và Những qui định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.
- 5.2 Nhà trường thực hiện chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và thực hiện công khai tài chính áp dụng theo quy định của pháp luật cho cơ sở giáo dục đại học ngoài công lập
- 5.3 Nhà trường thực hiện theo nguyên tắc quản lý tài chính tập trung và có sự ủy quyền phân cấp cho đơn vị trực thuộc.
- 5.4 Nhà trường chịu sự kiểm tra, giám sát về mặt tài chính của các cơ quan quản lý Nhà nước
- 5.5 Chịu sự kiểm soát nội bộ của Ban kiểm soát HĐQT

## **Điều 6. Đối tượng, phạm vi áp dụng**

- 6.1 Quy chế này qui định công tác quản lý tài chính (bao gồm quản lý vốn, tài sản và kế toán tài chính) của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn;
- 6.2 Tất cả các đơn vị và cá nhân thuộc sự quản lý của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn phải tuân thủ các qui định của Quy chế này.

## **CHƯƠNG II**

### **QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN**

## **Điều 7. Vốn điều lệ của Nhà trường**

- 7.1 Vốn điều lệ của Nhà trường là vốn đầu tư của chủ sở hữu là số vốn do tất cả cổ đông góp hoặc cam kết góp
- 7.2 Vốn điều lệ của Nhà trường phải được quản lý, kế toán theo qui định của pháp luật
  - 7.2.1 Số tiền, hình thức và thời gian góp vốn của các cổ đông phải được phản ánh chính xác, đầy đủ và kịp thời trong sổ cổ đông của Nhà trường
  - 7.2.2 Toàn bộ số vốn góp của các cổ đông phải được xác nhận bằng sổ cổ đông

- 7.2.3 Số vốn góp phải được hạch toán kịp thời đúng qui định trong các tài khoản kế toán có liên quan
- 7.3 Vốn điều lệ của Nhà trường là 70.000.000.000 đồng (bảy mươi tỷ đồng)  
Vốn điều lệ đã được hình thành như sau:
- 7.3.1 Giai đoạn sáng lập (1997 – 2001):  
Những người sáng lập gồm mười (10) người là những cổ đông chính thức góp **9.000.000.000 đồng** (*Chín tỷ đồng*), đây là vốn cơ bản ban đầu
- 7.3.2 Giai đoạn phát triển (2001 – 2013):  
Trong cuộc họp cổ đông lần thứ nhất, mười thành viên sáng lập công khai kêu gọi các cổ đông là CB-GV-NV trường với các nội dung sau đây:
- Các sáng lập viên xác định: Trường chỉ có cổ đông góp vốn nội bộ, không bán cổ phần ra ngoài.
  - Mệnh giá cổ phần là: 100.000 đồng/ cổ phần
  - Trước khi phát hành bán cổ phần cho các cổ đông khác ngoài các sáng lập viên, các sáng lập viên phát hành một số cổ phần ưu đãi cho các CB-GV-NV (cổ phần ưu đãi là cổ phần được hưởng cổ tức hàng năm mà không là chủ sở hữu thực thụ cổ phần của mình như cổ phần góp vốn); thưởng thưởng cho các sáng lập viên – qua 5 năm góp vốn sáng lập xây dựng Trường - được hưởng cổ tức ưu đãi trên số cổ phần bằng 1,8 lần vốn đã góp ( tương đương 16 tỷ 2). Số cổ phần ưu đãi thưởng cho sáng lập viên này sẽ thành thưởng vốn góp thực khi lợi nhuận tích lũy có khả năng trích thưởng
- Tất cả các cổ đông CB-GV-NV hiểu rõ các mục a,b,c ở trên và tự nguyện cùng sáng lập viên góp vốn xây dựng Trường
- Thực tế trong giai đoạn này (2001-2013), vốn điều lệ đã tăng thêm: **52.737.570.000 đồng**
- Trong đó cổ đông nội bộ bỏ vốn ra mua là: 36.537.570.000 đồng.  
Và trích lợi nhuận tích lũy của Trường thưởng cho các Sáng lập viên là 16 tỷ 2 (năm 2007: trích 3.240.000.000; năm 2009: trích chuyển 12.960.000.000). Năm 2009 ĐHCĐ cũng thống nhất đưa mệnh giá cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/01CP
- 7.3.3 Giai đoạn 2014:  
Góp thêm: **8.262.430.000 đồng** (*Tám tỷ, hai trăm sáu mươi hai triệu, bốn trăm ba mươi ngàn đồng*).
- Vậy tổng vốn điều lệ Trường đến tháng 7/2014 là: 70.000.000.000 đ (bảy mươi tỷ đồng)**
- 7.4 Việc điều chỉnh vốn điều lệ nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động của Nhà trường phải được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) chấp thuận; Khi điều chỉnh vốn điều lệ, Nhà trường phải công bố công khai số vốn điều lệ mới theo quy định của Pháp luật;



- 7.5 Vốn điều lệ chỉ được sử dụng vào các nội dung sau: mua sắm tài sản cố định, trang thiết bị cần thiết phục vụ hoạt động của Nhà trường; góp vốn liên doanh, liên kết với các tổ chức kinh tế; các dự trữ cần thiết về động sản, bất động sản; đầu tư xây dựng cơ bản
- 7.6 Không sử dụng vốn điều lệ để chia cổ tức cho cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào.
- 7.7 Trường hợp khi Nhà trường bị thua lỗ thì mọi cổ đông phải chịu giảm giá trị phần vốn góp theo tỷ lệ giảm vốn tương ứng với tỷ lệ vốn góp, sau khi được ĐHĐCĐ chấp thuận.

#### **Điều 8. Vốn khác của Nhà trường**

- 8.1 Vốn vay ngân hàng, các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, vay khác chưa đến hạn trả.
- 8.2 Vốn tự bỏ sung trích từ lợi nhuận sau thuế và các quỹ trích lập bao gồm: quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ khác, vốn đầu tư xây dựng cơ bản, quỹ học bổng sinh viên... Đây là nguồn vốn tích lũy từ lợi nhuận không chia là bộ phận lợi nhuận được sử dụng để tái đầu tư, mở rộng hoạt động của Nhà trường;
- 8.3 Nợ phải trả khách hàng, nhà cung cấp, cán bộ, giảng viên, nhân viên, ngân sách Nhà nước nhưng chưa đến hạn thanh toán;
- 8.4 Vốn thu hồi từ việc Nhà trường nhượng bán hoặc thanh lý các tài sản cố định, tài sản lưu động không cần dùng, lạc hậu về kỹ thuật;

#### **Điều 9. Nguyên tắc quản lý, bảo toàn vốn trong việc sử dụng vốn**

Nhà trường có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác vốn và tài sản theo đúng luật kế toán và các chuẩn mực kế toán hiện hành. Mỏ sổ kế toán phản ánh chính xác các nguồn vốn, công nợ, vốn bằng tiền, các khoản đầu tư tài chính, các khoản thanh toán với các đơn vị, cá nhân, các quỹ bắt buộc theo quy định hiện hành

#### **Điều 10. Chuyển nhượng quyền sở hữu và rút vốn**

Việc chuyển nhượng quyền sở hữu và rút vốn phải bảo đảm sự phát triển và ổn định của nhà trường.

- 10.1 Các cổ đông là cá nhân hay pháp nhân góp vốn xây dựng Trường có quyền chuyển nhượng, rút vốn một phần hoặc toàn bộ số vốn góp theo quy định về vốn góp do Đại hội đồng cổ đông thông qua. Việc quy định cụ thể việc chuyển nhượng quyền sở hữu và rút vốn của Trường được dựa trên qui định của Quy chế hoạt động của Trường Đại học công nghệ Sài Gòn.
- 10.2 Cổ đông có quyền chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của mình cho người khác theo các quy định sau đây:
- 10.2.1 Cổ đông được chuyển nhượng cổ phần của mình theo giá thỏa thuận và được HĐQT phê duyệt
- 10.2.2 Cổ đông muốn chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp trước hết phải chuyển nhượng phần vốn đó cho các cổ đông khác của Trường theo giá thỏa thuận tại thời điểm chuyển nhượng;
- 10.2.3 Chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông của Trường nếu các cổ đông của Trường không mua hoặc mua không hết và phải thông qua HĐQT
- 10.3 Việc thừa kế cổ phần thực hiện theo qui định của pháp luật
- 10.4 Các cổ đông có quyền nhượng cổ phiếu của mình cho cha mẹ, vợ chồng và con cái ruột
- 10.5 Trong Trường hợp nhà trường bị giải thể, việc xử lý về tài chính, tài sản được áp dụng theo quy định của pháp luật về giải thể doanh nghiệp

#### **Điều 11. Quản lý các khoản nợ phải trả**

- 11.1 Nhà trường có trách nhiệm mở sổ theo dõi đầy đủ các khoản nợ phải trả gồm cả các khoản lãi phải trả. Nợ phải trả bao gồm các khoản nợ vay ngắn hạn, dài hạn các tổ chức tín dụng, cá nhân hoặc tổ chức khác
- 11.2 Thanh toán các khoản nợ phải trả theo đúng thời hạn cam kết;
- 11.3 Kiểm kê, đối chiếu các khoản công nợ với chủ nợ theo định kỳ.

### **CHƯƠNG III**

### **QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TÀI SẢN**



## **Điều 12. Tài sản của Nhà trường**

Tài sản của Nhà trường bao gồm tài sản lưu động, các khoản đầu tư ngắn hạn, tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn được hình thành từ vốn điều lệ, vốn vay và các nguồn vốn khác

## **Điều 13. Tài sản cố định, đầu tư xây dựng và mua sắm tài sản cố định**

- 13.1 Tài sản cố định của Nhà trường bao gồm tài sản cố định hữu hình và vô hình. Tiêu chuẩn để xác định tài sản cố định thực hiện theo qui định của Bộ Tài chính
- 13.2 Thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng cơ bản tại Trường do Hội đồng Quản trị quyết định (Hạn mức đầu tư nào phải thông qua ĐHCĐ được ghi rõ trong quy chế hoạt động của Trường)
- 13.3 Thẩm quyền quyết định đầu tư mua sắm, nâng cấp sửa chữa tài sản cố định tại Trường do Hiệu trưởng quyết định (Hạn mức đầu tư nào phải thông qua HĐQT được ghi rõ trong quy chế điều hành về tài chính & tài sản Trường của Hiệu trưởng; Hội đồng Quản trị phê duyệt)
- 13.4 Việc đầu tư mua sắm tài sản phải có trong kế hoạch tài chính trong năm được HĐQT thông qua và bảo đảm có nguồn vốn dài hạn không được đầu tư mua sắm tài sản bằng nguồn vốn ngắn hạn

## **Điều 14. Qui định về mua sắm, sửa chữa tài sản cố định**

Các chi tiết về nguyên tắc và qui trình mua sắm, sửa chữa tài sản cố định được thể hiện rõ trong quy chế điều hành về tài chính & tài sản Trường của Hiệu trưởng; Hội đồng Quản trị phê duyệt

## **Điều 15. Quản lý các khoản nợ phải thu**

- 15.1 Hiệu trưởng phải xây dựng và ban hành qui định quản lý các khoản nợ phải thu, phân công và xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong việc theo dõi, thu hồi, thanh toán các khoản công nợ. Hiệu trưởng quyết định mức bồi thường thiệt hại, kỷ luật đối với tập thể cá nhân liên quan và được HĐQT phê duyệt
- 15.2 Kế toán trưởng có trách nhiệm kế toán các khoản nợ phải thu theo chuẩn mực kế toán, kiểm kê đối chiếu các khoản phải thu, xác định các khoản nợ

khó đòi, nợ phải thu không có khả năng thu hồi xác định nguyên nhân, trách nhiệm của các cá nhân, tập thể báo cáo Hiệu trưởng xử lý

**Điều 16. Kiểm kê tài sản**

Hiệu trưởng có trách nhiệm tổ chức kiểm kê tài sản định kỳ và thông báo cho HĐQT rõ việc kiểm kê tài sản phải được thực hiện hằng năm ít nhất một lần. Ngoài ra, khi có yêu cầu từ HĐQT, Ban kiểm soát thì việc kiểm kê có thể tiến hành đột xuất

**Điều 17. Cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản**

Nhà trường có quyền cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản thuộc quyền quản lý của Nhà trường. Tất cả các hoạt động này phải được HĐQT chỉ đạo trực tiếp và ủy quyền cho Hiệu trưởng từng phần hoặc toàn phần trong từng trường hợp cụ thể

**Điều 18. Nhượng bán, thanh lý tài sản**

Nhà trường được nhượng bán các tài sản không cần dùng, lạc hậu về kỹ thuật để thu hồi vốn sử dụng cho mục đích hoạt động khác có hiệu quả hơn; Tất cả các hoạt động này phải được HĐQT chỉ đạo trực tiếp và ủy quyền cho Hiệu trưởng từng phần hoặc toàn phần trong từng trường hợp cụ thể

**Điều 19 Trích khấu hao Tài sản cố định**

- 19.1 Nhà trường thực hiện trích khấu hao tài sản cố định theo nguyên tắc mức trích khấu hao phải bảo đảm bù đắp cả hao mòn vô hình và hao mòn hữu hình của tài sản, mức trích khấu hao tài sản cố định phải theo quy định của Bộ Tài Chính.
- 19.2 Tất cả tài sản cố định hiện có của Nhà trường đều phải trích khấu hao, gồm cả tài sản cố định không cần dùng, chờ thanh lý, trừ những tài sản cố định thuộc công trình phúc lợi công cộng. Đối với các tài sản cố định đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn đang sử dụng vào các hoạt động của Trường thì không phải trích khấu hao nữa;
- 19.3 Chi phí khấu hao tài sản cố định được hạch toán theo chuẩn mực kế toán Việt Nam;
- 19.4 Việc sử dụng nguồn vốn khấu hao để đầu tư mua sắm tài sản, trang thiết bị phải tuân theo quy định hiện hành



- 19.5 Việc sử dụng nguồn vốn khấu hao để đầu tư xây dựng cơ bản phải tuân theo quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý đầu tư và xây dựng;
- 19.6 Nhà trường có trách nhiệm theo dõi, hạch toán kế toán các nghiệp vụ tăng, giảm tài sản, đầu tư xây dựng cơ bản trích khấu hao theo chuẩn mực kế toán và qui định hiện hành

## **Điều 20. Đánh giá lại tài sản**

- 20.1 Nhà trường thực hiện việc đánh giá lại tài sản trong các trường hợp sau:
- 20.1.1 Theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền
  - 20.1.2 Thực hiện chuyển đổi, sở hữu Nhà trường
  - 20.1.3 Kiểm kê đánh giá lại tài sản trước khi lập báo cáo tài chính
  - 20.1.4 Kiểm kê đánh giá lại tài sản theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - 20.1.5 Dùng tài sản để liên doanh, liên kết, góp vốn vào các đơn vị khác (khi đem tài sản đi góp vốn và khi nhận tài sản về).
- 20.2 Việc hạch toán các khoản chênh lệch tăng hoặc giảm vốn do kiểm kê, đánh giá lại tài sản do một đơn vị kiểm toán độc lập được Nhà trường hợp đồng Hiệu trưởng trình Hội đồng quản trị phê duyệt.
- 20.3 Việc đánh giá lại tài sản phải theo đúng qui định của Pháp luật

## **Điều 21. Xử lý tài sản tổn thất**

- 21.1 Tài sản tổn thất bao gồm tài sản mất mát, thiếu hụt, hư hỏng, lạc hậu kỹ thuật, tồn kho ứ đọng trong kiểm kê định kỳ và kiểm kê đột xuất;
- 21.2 Khi xảy ra tổn thất (mất, hư hỏng làm giảm giá trị tài sản), đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản lập biên bản xác định rõ mức độ, nguyên nhân tổn thất, phương án xử lý báo cáo Hiệu trưởng;
- 21.3 Tài sản tổn thất được xử lý như sau:
- 21.3.1 Tài sản tổn thất do nguyên nhân chủ quan của tập thể hoặc cá nhân thì người gây ra tổn thất phải bồi thường theo quy định của Pháp luật;

- 21.3.2 Tài sản đã được mua bảo hiểm nếu bị tổn thất thì do các tổ chức bảo hiểm bồi thường cho Nhà trường đối với các khoản thiệt hại, mất mát, thiếu hụt theo Hợp đồng bảo hiểm;
- 21.3.3 Giá trị tổn thất sau khi đã bù đắp bằng tiền bồi thường của cá nhân, tập thể của các tổ chức bảo hiểm nếu thiếu được bù đắp bằng nguồn lợi nhuận để lại của Nhà trường. Trường hợp nếu nguồn lợi nhuận để lại của Nhà trường không đủ bù đắp thì phần thiếu được hạch toán vào chi phí bất thường trong kỳ;
- 21.3.4 Hiệu trưởng quyết định mức độ bồi thường đối với những tổn thất tài sản cụ thể theo phương án xử lý đã được Hội đồng quản trị phê duyệt;
- 21.4 Những tổn thất về tài sản do thiên tai, hoả hoạn hoặc do nguyên nhân khách quan gây ra Nhà trường không thể khắc phục được thì Hiệu trưởng lập phương án xử lý trình Hội đồng quản trị phê duyệt;
- 21.5 Sau khi xử lý tổn thất tài sản, Nhà trường phải điều chỉnh lại sổ sách kế toán theo quyết định xử lý và quy định của Bộ Tài chính

## CHƯƠNG IV

### QUẢN LÝ DOANH THU, CHI PHÍ

Tiêu chuẩn xác định doanh thu, chi phí, lợi nhuận căn cứ vào chuẩn mực kế toán và các qui định của Nhà nước

#### **Điều 22 Doanh thu - Thu nhập khác**

22.1 Doanh thu của Nhà trường bao gồm

22.1.1 *Doanh thu từ hoạt động chính thức (báo cáo tài chính của cơ quan thuế ban hành gọi là doanh thu từ hoạt động kinh doanh) gồm:*

Là toàn bộ doanh thu từ hoạt động chính của Nhà trường bao gồm cả các khoản thu như lệ phí, học phí sinh viên tất cả các hệ đào tạo của Nhà trường; Thu từ hợp đồng đào tạo, liên doanh, liên kết chuyển giao công nghệ với các đơn vị, địa phương

22.1.2 *Doanh thu từ hoạt động tài chính:*



Là các khoản thu phát sinh từ tiền bán quyền, cho thuê tài sản, tiền lãi cho vay vốn, từ lãi tiền gửi ngân hàng, chênh lệch do bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ

#### 22.1.3 *Doanh thu từ các dịch vụ:*

Là doanh thu từ các dịch vụ như canteen, bãi giữ xe, lưu trú ký túc xá

#### 22.1.4 *Doanh thu khác:*

Các khoản thu nhập khác (kể cả thu nhập bất thường) của Nhà trường, bao gồm: thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản; thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; thu quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng Nhà trường;

Các khoản thu nhập hợp pháp khác ngoài các khoản nêu trên.

22.2 Toàn bộ doanh thu phát sinh trong kỳ phải có các hóa đơn, chứng từ hợp lệ chứng minh và phản ánh đầy đủ trong sổ kế toán của Nhà trường theo chế độ kế toán hiện hành.

22.3 Hiệu trưởng chịu trách nhiệm trước HĐQT và Pháp luật về tính đúng đắn và hợp pháp của các khoản doanh thu.

### **Điều 23. Quản lý Chi phí**

23.1 Các chi phí của Nhà trường bao gồm: chi phí hoạt động kinh doanh, chi phí tài chính, chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

23.2 Các khoản chi phí phải theo đúng chế độ, kế hoạch tài chính được HĐQT duyệt. Các khoản chi phí phải có chứng từ hoá đơn hợp lý, hợp lệ theo quy định của Bộ Tài chính.

23.3 Việc xác định, kế toán các chi phí hoạt động của Nhà trường để tính lãi (lỗ) tài chính và thu nhập chịu thuế trong năm tài chính căn cứ vào các chuẩn mực kế toán và các qui định của luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

### **Điều 24 Chi phí hoạt động chính thức của Nhà trường (báo cáo thuế qui định gọi là hoạt động kinh doanh):**

24.1 Chi phí hoạt động kinh doanh là các khoản chi phí hợp lý, hợp lệ liên quan đến hoạt động chính thức mà Nhà trường đã chi ra trong năm tài chính. Việc phân loại chi tiết chi phí theo hướng dẫn của Nhà nước

24.2 Tất cả các chi phí này là nội dung chi sẽ ghi chi tiết trong Quy chế điều hành về tài chính & tài sản của Nhà trường do Hiệu trưởng trình HĐQT thông qua. Căn cứ vào nội dung này, hàng năm Hiệu trưởng sẽ trình Kế hoạch tài chính để được HĐQT phê duyệt

**Điều 25 Chi phí tài chính bao gồm :**

Chi phí lãi tiền vay các hợp đồng tín dụng, lãi vay các tổ chức cá nhân khác;  
Các khoản chi phí của hoạt động tài chính khác

**Điều 26 Chi phí khác bao gồm :**

26.1 Chi phí khác:

Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ; Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế; các khoản phạt khác và các khoản chi phí khác (nếu có)

26.2 Chi phí thường xuyên của Hội đồng quản trị

Tất cả các khoản chi phát sinh từ hoạt động của HĐQT trường đều được ghi vào khoản mục kế hoạch năm. Các khoản chi gồm: chi phí lương thường phụ cấp HĐQT và sáng lập viên, chi phí công tác trong nước, họp hội... tương đương qui chế chi phí Hiệu trưởng (máy bay, xe cộ, lưu trú...), chi phí công tác nước ngoài: họp hội, tham quan... để được quyết toán công tác, thì chuyến đi phải có trong kế hoạch chi của HĐQT trong năm tài chính, nếu đột xuất ngoài kế hoạch và phải thông qua kế hoạch bổ sung của HĐQT.

**Điều 27 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:**

Là chi phí của Nhà trường để xác định lợi nhuận sau thuế bao gồm các loại thuế phát sinh trong năm tài chính theo Luật định

## CHƯƠNG V

### LỢI NHUẬN VÀ TRÍCH LẬP CÁC QUỸ

**Điều 28 Lợi nhuận**

Lợi nhuận của Nhà trường gồm:

28.1 Lợi nhuận từ hoạt động chính: là khoản chênh lệch giữa tổng doanh thu từ hoạt động chính với tổng chi phí từ hoạt động chính của Nhà trường;



- 28.2 Lợi nhuận từ hoạt động tài chính : là khoản chênh lệch giữa tổng doanh thu hoạt động tài chính với chi phí hoạt động tài chính của Nhà trường.
- 28.3 Lợi nhuận khác: là khoản chênh lệch giữa tổng doanh thu khác với tổng chi phí khác của Nhà trường;

**Điều 29 Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ.**

Lợi nhuận sau khi thực hiện các nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước được phân phối theo thứ tự sau:

- 29.1 Bù khoản lỗ của các năm trước đối với các khoản lỗ không được trừ vào lợi nhuận trước thuế (nếu có);
- 29.2 Trừ các khoản tiền phạt thuộc trách nhiệm của Nhà trường (nếu có)
- 29.3 Trừ các khoản chi phí thực tế đã chi nhưng không được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế;
- 29.4 Phần lợi nhuận còn lại sau khi trừ các khoản trên, được trích lập các quỹ và chia cổ tức cho các cổ đông theo quy chế phân phối lợi nhuận do HĐQT lập và trình Đại hội cổ đông quyết định theo từng năm. Chủ tịch HĐQT ra quyết định và Hiệu trưởng chỉ đạo thực hiện

**Điều 30. Mục đích sử dụng các quỹ của Nhà trường.**

30.1 Quỹ đầu tư phát triển:

- a. Đầu tư mở rộng quy mô hoạt động và đổi mới công nghệ, trang thiết bị, điều kiện làm việc của Nhà trường
- b. Bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, cho cán bộ, giảng viên, nhân viên của Nhà trường;
- c. Các hoạt động đầu tư khác

30.2 Quỹ khen thưởng được dùng để:

- a. Thưởng người quản lý điều hành Nhà trường (HĐQT, Hiệu trưởng, các Phó hiệu trưởng và Ban Kiểm soát). Mức thưởng gắn với hiệu quả hoạt động của Nhà trường.
- b. Thưởng cho Cán bộ, giảng viên, nhân viên

30.3 Quỹ phúc lợi được dùng để:

- a. Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi chung của Nhà trường.
- b. Chi cho các hoạt động nghỉ mát, thể thao, văn hoá, phúc lợi công cộng của tập thể CBGVNV, phúc lợi xã hội.
- c. Ngoài ra có thể chi trợ cấp khó khăn cho người lao động của Nhà trường kể cả những trường hợp đã nghỉ hưu, mất sức lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa, hoặc làm công tác từ thiện xã hội.
- d. Việc sử dụng các quỹ nói trên phải thực hiện công khai theo quy chế công khai tài chính, quy chế dân chủ ở Nhà trường và quy định của Nhà nước.

#### 30.4 Quỹ học bổng được dùng để:

Thực hiện chế độ miễn giảm học phí, chế độ học bổng cho những sinh viên thuộc diện chính sách, khó khăn có kết quả học tập tốt và các trường hợp anh chị em học cùng Trường.

### **Điều 31. Trả cổ tức**

- 31.1 Nhà trường chi trả cổ tức cho cổ đông khi Nhà trường hoạt động có lợi nhuận, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, trích lập các quỹ theo quy định và bù lỗ các năm trước (nếu có). Đại hội đồng cổ đông quyết định trả cổ tức cho các cổ đông trên cơ sở vốn góp.
- 31.2 HĐQT lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi đến tất cả cổ đông trước khi thực hiện trả cổ tức.
- 31.3 Cổ tức nếu được chi trả bằng tiền mặt sẽ phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam và có thể được thanh toán qua tài khoản của cổ đông tại ngân hàng
- 31.4 Số cổ tức được chia cho các cổ đông theo phần vốn góp. Trong năm tài chính HĐQT căn cứ tình hình tài chính có thể quyết định tạm ứng cổ tức cho cổ đông..

## **CHƯƠNG VI**

### **KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH, CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, THỐNG KÊ VÀ KIỂM TOÁN**



### **Điều 32. Kế hoạch tài chính**

- 32.1 Căn cứ vào kế hoạch hoạt động của Nhà trường, hàng năm Nhà trường phải xây dựng kế hoạch tài chính. Kế hoạch tài chính của Trường được lập theo năm tài chính. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm trình Hội đồng quản trị thông qua; HĐQT quyết định kế hoạch tài chính hàng năm của Nhà trường
- 32.2 Kế hoạch tài chính được xem là pháp lệnh, là căn cứ để Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát giám sát và kiểm tra các hoạt động tài chính của Nhà trường
- 32.3 Hiệu trưởng có trách nhiệm báo cáo kết quả việc thực hiện kế hoạch tài chính hàng năm cho Hội đồng Quản trị sau khi kết thúc năm tài chính
- 32.4 Nếu có các khoản chi phát sinh ngoài kế hoạch hoặc vượt kế hoạch được duyệt, Hiệu trưởng báo cáo HĐQT phê duyệt và điều chỉnh

### **Điều 33. Chế độ Kế toán Thống kê**

- 33.1 Nhà trường áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành
- 33.2 Việc cung cấp thông tin, chứng từ, sổ sách kế toán ra bên ngoài Nhà trường chỉ được thực hiện khi có sự đồng ý của HĐQT, Hiệu trưởng hoặc do quy định của pháp luật
- 33.3 Nhà trường có nghĩa vụ phải tổ chức thực hiện công tác kế toán thống kê theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành về kế toán, thống kê, đáp ứng các yêu cầu:
- a. Ghi chép đầy đủ chứng từ ban đầu;
  - b. Cập nhật sổ sách kế toán;
  - c. Kế toán phải phản ánh đầy đủ, trung thực, chính xác, khách quan;
  - d. Lưu giữ, bảo quản chứng từ kế toán theo đúng chế độ.

### **Điều 34. Báo cáo Tài chính**

- 34.1 Nhà trường thực hiện việc lập, nộp, công khai báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động kinh doanh hàng năm theo quy định của pháp luật;
- 34.2 Năm tài chính của Nhà trường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm dương lịch và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm; các hoạt động tài chính phát

sinh được phản ánh bằng đồng Việt nam, nếu có phát sinh bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đồng Việt nam theo tỷ giá chính thức do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ; hoặc theo tỷ giá bình quân của các ngân hàng;

34.3 Báo cáo tài chính hàng năm của Nhà trường phải được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập được phép hoạt động tại Việt Nam và kết quả kiểm toán phải báo cáo HĐQT và Đại hội đồng cổ đông;

34.4 Cuối mỗi năm tài chính, HĐQT xem xét, thông qua Báo cáo tài chính để trình Đại hội đồng cổ đông, trong đó bao gồm các nội dung sau:

- + Bảng cân đối kế toán của Nhà trường.
- + Báo cáo kết quả hoạt động của Nhà trường.
- + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- + Thuyết minh báo cáo tài chính.

34.5 Báo cáo này phải được gửi trước đến các thành viên HĐQT, Trưởng Ban kiểm soát chậm nhất 15 ngày trước ngày diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên;

34.6 Hiệu trưởng và kế toán trưởng chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính hàng năm của Nhà trường để HĐQT thông qua và trình tại Đại hội đồng cổ đông;

#### **Điều 35. Tổ chức bộ máy kế toán của Nhà trường**

Bộ máy kế toán Nhà trường gồm kế toán trưởng các kế toán viên và thủ quỹ, chức năng của các thành viên qui định trong Luật Kế toán và Nghị định số 129/2004/NĐ-CP của Chính phủ “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kế toán trong lĩnh vực kinh doanh”,

#### **Điều 36. Chế độ lưu giữ tài liệu liên quan đến công tác kế toán của Nhà trường**

36.1 Tài liệu kế toán phải bảo quản, lưu trữ theo quy định là bản chính các tài liệu kế toán được ghi chép trên giấy, có giá trị pháp lý về kế toán

36.2 Nhà trường phải lưu giữ các tài liệu có liên quan đến công tác tài chính kế toán tại trụ sở chính và tại các đơn vị trực thuộc. Thời gian lưu giữ, bảo quản đúng chế độ và theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 37. Kiểm tra nội bộ**



Ban Kiểm soát của HĐQT căn cứ vào quyền hạn và nhiệm vụ của mình (được qui định rõ trong quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường) tiến hành thẩm định báo cáo tài chính hàng tháng, hàng năm của Nhà trường, kiểm tra định kỳ hoặc kiểm tra đột xuất sổ sách kế toán của Nhà trường và các đơn vị trực thuộc, kiểm tra công tác điều hành, quản lý tài chính của Nhà trường

**Điều 38. Công tác kiểm tra khác**

Nhà trường chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát của các cơ quan tài chính có thẩm quyền đối với công tác tài chính của Nhà trường theo quy định của pháp luật.

**Điều 39. Kiểm toán**

Báo cáo tài chính hàng năm của Nhà trường được kiểm toán độc lập theo qui định và được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán theo chỉ định của Hội đồng Quản trị

**Điều 40. Tạm ứng tiền mặt**

Hiệu trưởng ban hành qui định về đối tượng, điều kiện, qui trình tạm ứng tiền mặt, thu hồi tạm ứng theo đúng luật định thể hiện trong quy chế điều hành về tài chính & tài sản của Hiệu trưởng được HĐQT thông qua

**Điều 41. Quản lý tiền mặt tại quỹ**

Qui định về quản lý tiền mặt tại quỹ được qui định cụ thể trong quy chế điều hành về tài chính & tài sản của Hiệu trưởng được HĐQT thông qua

**Điều 42. Quản lý, điều hành tài khoản tiền gửi ngân hàng**

42.1 Nhà trường chủ động mở một hay nhiều tài khoản giao dịch (VNĐ, ngoại tệ) tại các ngân hàng để phục vụ cho hoạt động của mình. Việc quản lý điều hành tài khoản tiền gửi ngân hàng qui định cụ thể trong quy chế điều hành về tài chính & tài sản của Hiệu trưởng được HĐQT thông qua

42.2 Đối với các vấn đề tài chính thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT thì HĐQT mở các tài khoản có liên quan tại các ngân hàng, Chủ tịch HĐQT đại diện đăng ký chữ ký chủ tài khoản và điều hành tài khoản này

## CHƯƠNG VII PHÁT HÀNH CỔ PHẦN

### **Điều 43 Qui định chung trong phát hành cổ phần**

- 43.1 Trong từng giai đoạn phát triển, Nhà trường có thể tăng vốn điều lệ bằng cách phát hành cổ phần phổ thông
- 43.2 Thông tin cổ phần phát hành  
Tên cổ phần: cổ phần trường Đại học Công nghệ Sài Gòn  
Loại cổ phần: cổ phần phổ thông

### **Điều 44 Mục đích phát hành cổ phần**

- 44.1 Bổ sung vốn điều lệ theo qui định
- 44.2 Đầu tư XDCEB, cơ sở vật chất trang thiết bị nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển nhà trường
- 44.3 Bổ sung vốn cho các hoạt động đầu tư, góp vốn liên doanh, liên kết (nếu có)

### **Điều 45 Các nội dung phát hành cổ phần**

- 45.1 HĐQT quyết định thời điểm, số lượng, đối tượng, giá bán cổ phần
- 45.2 Cổ phần phân phối và bán cho mọi cổ đông phổ thông của Trường theo những qui định nào trong từng thời điểm do HĐQT đề xuất thông qua ĐHCĐ
- 45.3 Cổ phần bán cho các cổ đông phổ thông của Trường được thực hiện theo các qui định sau:
- 45.3.1 Phải thông báo bằng văn bản có chữ ký của Chủ tịch HĐQT, đóng dấu và gửi đến các cổ đông. Trong thông báo phải có xác định thời gian đăng ký góp vốn, gửi kèm theo thông báo mẫu đăng ký mua cổ phần do Nhà trường phát hành
- 45.3.2 Cổ đông phổ thông có quyền chuyển nhượng ưu quyền mua của mình cho cổ đông khác hay không nằm trong nội dung 45.1
- 45.3.3 Cổ đông không gửi phiếu đăng ký mua cổ phần đúng hạn xem như khước từ ưu quyền mua



- 45.3.4 Cổ phần được xác nhận chủ sở hữu khi cổ đông đã thanh toán đủ và các thông tin về cổ đông đã ghi đúng và đủ vào sổ đăng ký cổ đông
- 45.3.5 Sau khi ghi vào sổ đăng ký, Nhà trường xác định quyền sở hữu của cổ đông đó

## **CHƯƠNG VIII**

### **PHÂN CẤP UỶ QUYỀN**

#### **Điều 46 Mỗi quan hệ giữa Nhà trường và các đơn vị trực thuộc**

- 46.1 Đơn vị trực thuộc Nhà trường không có vốn và tài sản riêng. Toàn bộ tài sản đơn vị trực thuộc thuộc sở hữu của Nhà trường.
- 46.2 Nhà trường thực hiện chế độ hạch toán kế toán tập trung. Toàn bộ hoạt động tài chính của các đơn vị trực thuộc được thể hiện trong báo cáo tài chính của Nhà trường
- 46.3 Quyền và trách nhiệm của đơn vị trực thuộc được thể hiện cụ thể trong quy chế điều hành về tài chính & tài sản của Hiệu trưởng được HĐQT thông qua

#### **Điều 47 Phân cấp ủy quyền cho các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc**

Thể hiện cụ thể trong quy chế điều hành về tài chính & tài sản của Hiệu trưởng được HĐQT thông qua

#### **Điều 48. Thẩm quyền**

- 48.1 Ban hành văn bản
- a. Hội đồng Quản trị ban hành:
- Quy chế Tài chính
  - Quyết định tổng quỹ lương, thưởng hàng năm
  - Kế hoạch tài chính hàng năm
- b. Hội đồng Quản trị phê duyệt, Hiệu trưởng ban hành
- Quy chế lương, thưởng, thu nhập
  - Quy chế điều hành về tài chính & tài sản
  - Qui định chi tiêu nội bộ
  - Qui định mức học phí, học bổng, khen thưởng

- Quyết toán tài chính hàng năm

48.2 Ký kết hợp đồng

a. Hội đồng Quản trị phê duyệt, Chủ tịch HĐQT ký:

- Hợp đồng vay
- Hợp đồng liên quan đến công trình kiến trúc
- Hợp đồng lao động hoặc thỏa thuận về lương của Hiệu trưởng

b. Hội đồng Quản trị phê duyệt, Hiệu trưởng ký

- Hợp đồng liên doanh, liên kết trong đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ
- Hợp đồng mua sắm tài sản có giá trị từ 100.000.000 đ (một trăm triệu đồng) đến dưới 200.000.000 đ (hai trăm triệu đồng). Nếu hợp đồng trên 200.000.000 đ, Hiệu trưởng ký nhưng phải thông qua HĐQT phê duyệt trước và sau khi hoàn tất hợp đồng
- Hợp đồng lao động CBGVNV
- Các hợp đồng kinh tế trong giao dịch của Trường

c. Hội đồng Quản trị phê duyệt; Hiệu trưởng ủy quyền ký

- Hợp đồng giảng dạy
- Hợp đồng kinh tế liên quan đến hoạt động của các đơn vị trực thuộc

**Điều 49. Chứng từ gốc của kế toán**

49.1 Tất cả các chứng từ gốc về kế toán tài chính đều do Hiệu trưởng phê duyệt (trừ những lĩnh vực đã phân cấp) và chịu trách nhiệm trước HĐQT và pháp luật.

49.2 Các chứng từ gốc của kế toán bao gồm:

- Giấy đề nghị thanh toán kèm theo các chứng từ có liên quan;
- Các hợp đồng kinh tế kèm theo hoá đơn tài chính mua hàng;
- Các phiếu thu, chi tiền mặt;
- Các chứng từ chuyển tiền qua ngân hàng;
- Hoá đơn bán hàng;
- Các chứng từ khác (nếu có).



## CHƯƠNG IX

### CHẾ ĐỘ TRÁCH NHIỆM TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

#### **Điều 50. Trách nhiệm của Hiệu trưởng**

- 50.1 Hiệu trưởng có trách nhiệm soạn thảo quy chế điều hành về tài chính & tài sản để HĐQT phê duyệt
- 50.2 Hiệu trưởng là người đại diện theo pháp luật của Nhà trường, có quyền điều hành và chịu trách nhiệm trước HĐQT, trước pháp luật trong việc điều hành hoạt động, quản lý tài sản, tiền vốn và các khoản thu chi của Nhà trường.
- 50.3 Tổ chức và chỉ đạo thực hiện công tác kế toán theo quy định của Luật kế toán. Chịu trách nhiệm về chế độ báo cáo kế toán, thống kê, tài chính, nội dung của báo cáo tài chính và các thông tin tài chính công khai theo quy định của pháp luật.
- 50.4 Tổ chức thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT, Chủ tịch HĐQT.
- 50.5 Xây dựng các quy trình, thủ tục, định mức chi phí của Nhà trường theo quy định của pháp luật, phù hợp với qui định của Nhà trường, các quyết định cụ thể của HĐQT.
- 50.6 Xây dựng và trình HĐQT duyệt kế hoạch tài chính hàng năm. Trên cơ sở kế hoạch được duyệt, chủ động giao kế hoạch cho các đơn vị trực thuộc và tổ chức thực hiện các hoạt động của Nhà trường.

#### **Điều 51. Trách nhiệm của Kế toán trưởng**

- 51.1 Thực hiện các qui định của pháp luật về kế toán tài chính trong quản lý tài chính
- 51.2 Thực hiện các chức năng phối hợp trong Nhà trường, nhận ủy quyền của Hiệu trưởng đại diện cho Nhà trường trong việc đối nội và đối ngoại với ngân hàng, thuế, kiểm toán, làm việc với ban kiểm soát của HĐQT. Quyền nhận ủy quyền ghi rõ trong quy chế điều hành về tài chính & tài sản do HĐQT phê duyệt, Hiệu trưởng ban hành,

#### **Điều 52. Trách nhiệm của Giám đốc đơn vị trực thuộc**

Chịu trách nhiệm về các hoạt động tài chính của đơn vị mình căn cứ theo quy chế điều hành về tài chính & tài sản trường do Hiệu trưởng ban hành HĐQT phê duyệt

**CHƯƠNG X**  
**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 53. Điều khoản thi hành**

- 53.1 Quy chế tài chính này bao gồm 10 chương 55 điều.
- 53.2 Ngoài các qui định tại Quy chế tài chính này, Nhà trường phải thực hiện các qui định của pháp luật hiện hành về quản lý tài chính và hạch toán kế toán

**Điều 54. Hiệu lực thi hành**

Quy chế này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2014

**Điều 55. Sửa đổi, bổ sung**

- 55.1 Trong quá trình thực hiện, nếu có điều gì chưa hợp lý, các đơn vị phản ánh để kịp thời bổ sung và điều chỉnh
- 55.2 Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội Đồng Quản Trị Nhà trường quyết định.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



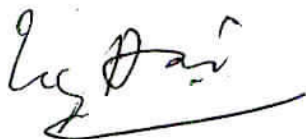


Qui định này được các thành viên Hội đồng Quản trị nhất trí



1/ Nguyễn Ngọc Diện

6/ Đào Văn Lượng



2/ Lê Nguyên Đại



7/ Trương Quang Mùi



3/ Lê Đức Hiện



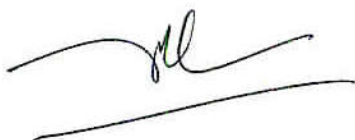
8/ Lê Thị Ngọc Phượng



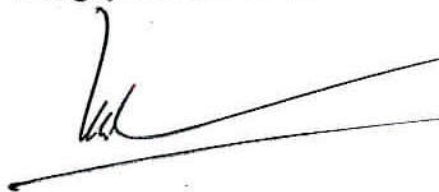
4/ Lưu Mai Hương



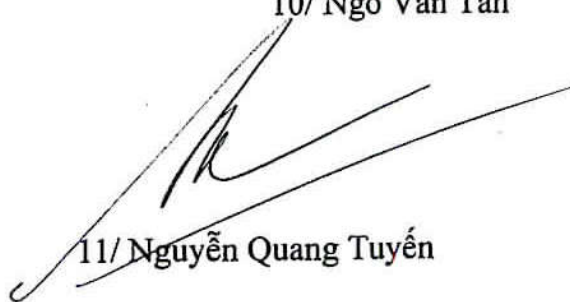
9/ Nguyễn Kiều Oanh



5/ Phạm Quốc Lâm



10/ Ngô Văn Tấn



11/ Nguyễn Quang Tuyên

